

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 02 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Lệ Chi.

Bà Phạm Tú Nhi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 327/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Ngọc H, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ H, ấp F+7, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1975; địa chỉ: Số C, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 7 năm 2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Ngọc H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc H và anh Nguyễn Hoàng V tự nguyện yêu nhau và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65/KH/07, quyền số 01, do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/9/2007.

Sau khi kết hôn vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không hạnh phúc và

ngày càng trở nên căng thẳng, không thể hoà giải được. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Nhật T, sinh ngày 06/11/2007 và Nguyễn Trường T1, sinh ngày 14/8/2015. Con chung đang sống chung với anh V. Sau khi ly hôn chị H giao con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21-01-2024, bị đơn anh Nguyễn Hoàng V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Ngọc H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ở phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, đã ly thân từ năm 2023, hiện anh và các con đang sống tại địa chỉ số C, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Thống nhất anh và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Nhật T, sinh ngày 06/11/2007 và Nguyễn Trường T1, sinh ngày 14/8/2015. Sau khi ly hôn anh sẽ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D thể hiện: Hội liên hiệp phụ nữ phường T không nhận được đơn yêu cầu hòa giải cơ sở về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh V. Đồng thời cũng không nhận được phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung của hai anh chị nên không rõ. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc H và anh Nguyễn Hoàng V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65/KH/07, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/9/2007 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Chị H và anh V đều xác định trong thời kỳ hôn nhân anh chị có phát sinh mâu thuẫn và không thể hòa giải được, vợ chồng hiện đã ly thân không còn sống chung với nhau. Quá trình tố tụng chị H có đơn từ chối hoà giải, anh V không có ý kiến phản đối về việc ly hôn. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, cả hai bên đều không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị H và anh V thống nhất khai vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Nhật T, sinh ngày 06/11/2007 và Nguyễn Trường T1, sinh ngày 14/8/2015. Quá trình tố tụng chị H và anh V thống nhất giao các con cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các con chung, đảm bảo cuộc sống ổn định để con chung phát triển toàn diện. Về cấp dưỡng nuôi con: anh V đủ điều kiện để nuôi con, tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An Dĩ An là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Ngọc H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 70, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Ngọc H đối với bị đơn anh Nguyễn Hoàng V về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng V (Giấy chứng nhận kết hôn số 65/KH/07, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/9/2007).

- Về con chung: Chị Trần Ngọc H giao 02 con chung là cháu Nguyễn Nhật T, sinh ngày 06/11/2007 và Nguyễn Trường T1, sinh ngày 14/8/2015 cho anh Nguyễn Hoàng V tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Hoàng V về việc không yêu cầu chị Trần Ngọc H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, chị Trần Ngọc H và anh Nguyễn Hoàng V đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp chị H lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì anh V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị H theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Ngọc H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0006834 ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngân